

TÍNH CẤP THIẾT TRONG PHÁT NGÔN CẦU KHIẾN CÓ CẤU TRÚC “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...” TRONG CÁC BÀI VIẾT, BÀI NÓI CHUYỆN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Lê Đình Tường

Các bài viết, bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh được chọn làm số liệu khảo sát cho bài viết này nằm trong *Về vấn đề học tập* (NXB Sự thật, 1977), *Về công tác văn hóa, văn nghệ* (NXB Sự thật, 1977) và *Về vấn đề giáo dục* (NXB Giáo dục, 1977). Trong những ngôn bản này, câu cầu khiến với cấu trúc “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...” có khả năng hoạt động độc lập như một phát ngôn có số lượng rất lớn. Đây là loại phát ngôn cầu khiến có phương thức biểu đạt tính cấp thiết của việc thực hiện nội dung cầu khiến đặc biệt và đáng quan tâm trong tiếng Việt.

1. Cầu khiến tồn tại và thực hiện chức năng trong phát ngôn. Phát ngôn cầu khiến nói chung và cầu khiến cơ bản nói riêng được hình thành và thực hiện từ một động cơ cụ thể nào đó và có cấu trúc của một câu được vai trao (ngôi thứ nhất) sử dụng để thể hiện mong muốn vai nhận (ngôi thứ hai) thay đổi tính trạng tại thời điểm nói thành tình trạng mới. Nói cách khác, phát ngôn cầu khiến là một hoàn cảnh có cấu trúc nội dung gồm các yếu tố: vai trao, vai nhận, ý muốn của vai trao đối với vai nhận, nội dung ý muốn và tính cấp thiết của việc thực hiện nội dung ý muốn. Hoàn cảnh này được thể hiện rõ trong phát ngôn cầu khiến cơ bản: *Anh hãy bình tĩnh! Con phải chăm chỉ học tập!*

Phát ngôn cầu khiến trong các bài viết, bài nói chuyện khác với phát ngôn cầu khiến trong hội thoại ở giá trị lặp lại và giá trị duy nhất của nó. Trong hội thoại, mỗi phát ngôn cầu khiến có giá trị duy nhất một lần đối với thời gian, không gian và vai nhận. Giá trị này của các phát ngôn cầu khiến trong các bài viết, bài nói chuyện có giá trị chừng nào tính cấp thiết của việc thực hiện nội dung cầu khiến đó vẫn duy trì. Nói khác đi, giá trị của phát ngôn cầu khiến phụ thuộc vào động cơ (motivation) của các hành động lời nói. Động cơ đó chính là nguyên nhân, lý do, điểm xuất phát... mà người nói/viết đưa ra phát ngôn cầu khiến và được chúng tôi gọi là tính cấp thiết của loại lời nói này.

Cấp thiết là một trường chức năng - ngữ nghĩa thể hiện đánh giá của người nói/viết về nghĩa vụ, bổn phận, sự cần thiết, tính tất yếu, lợi ích... của việc duy trì một quá trình nào đó. Nó là một yếu tố của hoàn cảnh cầu khiến và chính yếu tố này góp phần quyết định tạo nên hiệu quả ngôn trung cầu khiến. Không có tính cấp thiết, không thể có yêu cầu thay đổi tình trạng tại thời điểm nói thành tình trạng mới. Giá trị này của phát ngôn cầu khiến cơ bản thường được biểu đạt bằng nhiều phương thức khác nhau, trong đó có các từ tình thái *phải, cần, cần phải, nên...* (trong tiếng Việt), *must, have got to, should, ought...*

(trong tiếng Anh), *должен, вынужден, принужден, обязан, нужно, надо, необходимо...* (trong tiếng Nga) và các phương thức ngữ dụng khác.

Tính cấp thiết thuộc bình diện tình thái của lời phát ngôn và “*liên quan đến thái độ của người nói đối với điều mình nói ra, hoặc đến quan hệ giữa sở đề và sở thuyết của mệnh đề*” [1, tr.98]. Từ bình diện hoàn cảnh phạm trù, nó “cùng với tình thái khả năng thuộc hoàn cảnh tiềm năng” và có cấu trúc nội dung là “ S_1 (chủ thể của lời nói) thông báo là việc S_3 (người tiếp nhận ý nguyện) thực hiện một hành động tự nguyện nào đó và nhờ nỗ lực này mà hoàn cảnh tiềm năng có S_4 là chủ thể (tác nhân, chủ thể của hoàn cảnh đang nói đến) trở thành hiện thực được S_2 (chủ thể đánh giá) coi là cấp thiết” [4, 114]. Đối với phát ngôn cầu khiến cơ bản, chủ thể lời nói (S_1) chính là vai trao, chủ thể đánh giá (S_2) phần lớn trùng với vai trao, người tiếp nhận ý nguyện (S_3) và chủ thể hoàn cảnh tiềm năng (S_4) trùng với vai nhận. Như vậy, hoàn cảnh cấp thiết trong phát ngôn cầu khiến cơ bản có nội dung là vai trao thông báo cho vai nhận biết việc vai nhận thực hiện một hành động nào đó là cần thiết.

Tính cấp thiết của các phát ngôn cầu khiến trong những bài viết, bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh không những thể hiện đầy đủ những nội dung nêu trên mà còn có những đặc điểm riêng biệt trong lập luận và chính những đặc điểm đó đã tạo cho lời cầu khiến của Người có những nét đặc trưng riêng.

2. Nội dung ý muốn của phát ngôn cầu khiến là tình trạng mà vai trao muốn vai nhận duy trì trong tương lai. Tình trạng này phản ánh hiện thực trong tiềm năng. Trong phát ngôn cầu khiến cơ bản nội dung này được biểu đạt bằng một quá trình gồm vị từ và các tham thể cần thiết của nó; trong đó, tham thể thứ nhất của vị từ chỉ người duy trì quá trình được biểu đạt bằng chính bản thân vị từ này và cũng là vai nhận (người nghe/đọc), ngôi thứ hai.

Trong những bài huấn thị của mình, phát ngôn cầu khiến với cấu trúc “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...” được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng với tần số cao: “*Muốn cải tạo xã hội thì phải cải tạo mình*” (Bài nói với anh chị em học viên, cán bộ, công nhân viên Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, 18/1/1958, *Về vấn đề giáo dục*, tr.118), “*Muốn thực hiện nguyên tắc lý luận liên hệ thực tế, muốn cho việc học tập đạt được mục đích đề cao lý luận, cải tạo tư tưởng, tăng cường đảng tính, thì cần phải có thái độ học tập cho đúng*” (Bài nói khai mạc Lớp học lý luận Khóa I, Trường Nguyễn Ái Quốc, 7/9/1959), “*Muốn thế, thì những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài*” (Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam, 16 tháng 4 năm 1959)...

Phát ngôn phản ánh hai quá trình được nối với nhau bằng liên từ *thì*. Bộ phận đi sau *thì* biểu đạt hành động cầu khiến, trong đó có nội dung cầu khiến.

Chức năng phản ánh của các phát ngôn trên được thể hiện bằng hai quá trình đều có chung một tham thể chỉ người duy trì quá trình và là người nghe/đọc, ngôi thứ hai. Hai quá trình đó trong “*Muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô cùng tận, thì chúng ta phải nghiên cứu, học tập*” gồm: Quá trình (i) /chúng ta muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô tận/ và quá trình (ii) /chúng ta nghiên cứu, học tập/. Cả hai quá trình này đều do tham thể “chúng ta” duy trì. Trong nhiều phát ngôn, vai nhận, ngôi thứ hai, được biểu đạt bằng danh từ:

“*Muốn Đoàn củng cố và phát triển thì tất cả đoàn viên phải làm gương mẫu*” (Bài nói tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, 2/11/1959). Trong trường hợp này, *tất cả đoàn viên* được sử dụng để chỉ người nghe, người tiếp nhận ngôn bản. Tuy nhiên, trong nhiều phát ngôn yếu tố này không được biểu đạt bằng từ: “*Muốn cải tạo xã hội thì phải cải tạo mình*”. Để xác định tham thể này cần dựa vào đối tượng tiếp nhận mà ngôn bản hướng tới.

Quá trình thứ nhất với vị từ trung tâm là *muốn* gồm hai tham thể. Tham thể thứ nhất, người duy trì quá trình và tham thể thứ hai là một quá trình khác. Quá trình này có thể do tham thể thứ nhất của vị từ *muốn* duy trì. Chẳng hạn, trong */(chúng ta) muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô tận/, chúng ta* vừa là tham thể thứ nhất của vị từ *muốn*, vừa là tham thể thứ nhất, là người duy trì quá trình *tiến bộ kịp sự biến đổi vô tận*. Tham thể thứ hai của vị từ *muốn* có thể là một quá trình khác không phải do vai nhận, ngôi thứ hai duy trì. Chẳng hạn, tham thể thứ hai của vị từ *muốn* trong quá trình */muốn xã hội giàu/* là *xã hội giàu*; quá trình *giàu* có tham thể thứ nhất là *xã hội*.

Từ những trình bày trên, cấu trúc đang xét tồn tại hai dạng: (i) *S₂ muốn duy trì P thì phải/cần/cần phải duy trì P₁* và (ii) *muốn S₃ duy trì P thì S₂ phải/cần/cần phải duy trì P₁*; trong đó *S₂* - ngôi thứ hai hoặc ngôi gộp chỉ người nghe/đọc, *S₃* - không phải là người nghe/đọc, *P* là quá trình (hành động, tình thần hoặc quan hệ). Phần thứ nhất (đứng trước *thì*) được quy ước là *A*; phần sau *thì* quy ước gọi là *B*.

3. Phần B của phát ngôn, khi xét tách biệt vẫn có cấu trúc của một tiểu cú (clause) và thể hiện đầy đủ các chức năng - ngữ nghĩa cơ bản của hành động cầu khiến; trong đó tính cấp thiết của hành động lời nói được thể hiện bằng các từ tình thái *phải, cần, cần phải* và chính cấu trúc cầu khiến được thể hiện trong phát ngôn: “...Đoàn *phải* liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên (Bài nói tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, 2/11/1965), “...*cần phải* có thái độ học tập cho đúng (Bài nói khai mạc Lớp học lý luận Khóa I, Trường Nguyễn Ái Quốc, 7/9/1959), “...những người làm báo ít nhất cũng *cần* biết một thứ tiếng nước ngoài” (Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam, 16/6/1959)...

Khi được xét độc lập, phần B thể hiện tính cấp thiết của việc thực hiện ý muốn và nội dung ý muốn thông qua *phải, cần, cần phải*, tức hoặc vai nhận “*ở trong điều kiện bắt buộc không thể không làm, nhất thiết không thể khác hoặc nhất thiết cần có*” (5, tr. 762), hoặc vai nhận “*không thể không làm, không thể không có, vì nếu không làm, không có thì sẽ có hại*” [5, tr.123]. Trong trường hợp này, hành động cầu khiến có tính áp đặt cao đối với vai nhận. Tuy nhiên, tính cấp thiết tạo nên sự áp đặt này, với đặc trưng riêng của tiếng Việt, chưa thể hiện chi tiết các đặc trưng như: Cấp thiết là do khách quan hay do chủ quan của vai trao; cấp thiết là do bổn phận, nghĩa vụ, nhận thức của vai nhận hay do sự áp đặt của vai trao đối với vai nhận. Nói cách khác, trong phạm vi nêu trên, tính cấp thiết này có thể “*nhấn mạnh quan niệm của người nói (mang tính chủ quan) hoặc tính tất yếu (mang tính khách quan) của hành động rời đi, hoặc có thể không được xác định giữa hai cách hiểu đó*” [3, tr.17]. Nhưng “*nếu tình thái liên quan đến thái độ hay ý kiến của người nói thì tình thái chủ quan rõ ràng là tình thái chủ quan đóng vai trò cơ sở*” [3, tr.17]. Trong phát ngôn cầu khiến cơ bản thì rõ ràng việc vai nhận *phải/cần/cần phải* duy trì quá trình được phản ánh trong nội dung cầu khiến chưa rõ nguyên nhân, lý do. Từ đó, với đặc trưng

của tình thái, tính cấp thiết đó được xác lập từ quan điểm của người nói/viết. Nó mang nặng tính chủ quan của người nói. Và một khi tính cấp thiết mang tính cá nhân, tính thuyết phục để vai nhận thực hiện nội dung cầu khiến sẽ không cao, tức ảnh hưởng tiêu cực đến đến hiệu quả ngôn trung của hành động cầu khiến. Hiệu quả ngôn trung của phát ngôn sẽ cao hơn khi tính cấp thiết đó được coi như một sự tất yếu và xuất phát từ nhận thức, tính tự nguyện của vai nhận. Nội dung này cần một phương thức lập luận nào đó bổ sung. Phương thức đó chính do phần A của phát ngôn thực hiện.

Phần A của phát ngôn chỉ quá trình (S_2) *muốn*, tức người tiếp nhận ngôn bản “*cảm thấy có sự đòi hỏi, về tâm lý, tình cảm hay sinh lý, làm một việc gì hoặc có cái gì*” (Từ điển tiếng Việt, tr.651). Cấu trúc nghĩa “Anh muốn... thì anh...” đã quy định điểm xuất phát của tính cấp thiết là nhận thức và ý thức của vai nhận. Như vậy, phần A là sự cụ thể hóa, chi tiết hóa tính cấp thiết được biểu đạt bằng cấu trúc cầu khiến và các từ tình thái *phải/cần/cần phải* ở phần B. Nhờ đó, tính cấp thiết của hành động cầu khiến do phần B biểu đạt được khách quan hóa (từ vị trí của vai trao); yếu tố này được đánh giá dựa trên nhận thức của vai nhận và việc vai nhận thực hiện nội dung mong muốn của vai trao được coi như một lẽ đương nhiên, như một quy luật. Nhờ cách tổ chức lời nói này, hiệu quả ngôn trung của phát ngôn cầu khiến tăng lên: “*Muốn củng cố và phát triển thì Đoàn phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên*” (Bài nói tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, 2/11/1956), “*Muốn thật sự gần gũi quần chúng thì phải cùng ăn, cùng ở, cùng làm, mới biết sinh hoạt của quần chúng như thế nào, mới biết khó khăn, biết chí khí của quần chúng*” (Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ văn hóa, 30/10/1959).

Tính cấp thiết của việc thực hiện nội dung cầu khiến được chuyển từ quan điểm của vai trao sang vai nhận để tình thái này có tính khách quan, có tính thực tiễn và tạo động cơ cho/để vai nhận thực hiện nội dung cầu khiến là nghệ thuật thuyết phục người nghe của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Phát ngôn với cấu trúc “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...”, từ bình diện đề - thuyết, có phần A nêu rõ phạm vi nghĩa mà phần B nói đến. Phạm vi nghĩa cơ bản mà phần triển khai B (có cấu trúc của tiểu cú cầu khiến) nói đến là tính cấp thiết của việc thực hiện nội dung ý muốn và nội dung phản ánh (tức các sự tình). Nội dung phản ánh trong cấu trúc nêu trên nằm ngoài phạm vi của bài viết và sẽ được đề cập trong công trình khác.

Phạm vi nghĩa *cấp thiết* trong Đề là *mong muốn của vai nhận*. Mong muốn của vai nhận quy định đặc trưng, mức độ... cấp thiết được nói đến trong Thuyết.

Tính cấp thiết trong A được biểu đạt bằng *muốn* và thể hiện tình trạng “*cảm thấy có sự đòi hỏi*” của chính vai nhận về việc duy trì quá trình P. Nó phản ánh nguyện vọng và tính ý thức người tiếp nhận ngôn bản. Nhờ điểm xuất phát (từ quan điểm đánh giá của vai nhận) này, tình trạng vai nhận “*ở trong điều kiện bắt buộc không thể không làm, nhất thiết không thể khác hoặc nhất thiết cần có*” hoặc “*không thể không làm, không thể không có, vì nếu không làm, không có thì sẽ có hại*” được phản ánh ở phần B trở thành sự đòi hỏi từ vị trí của vai nhận và sự cấp thiết mang tính tính tất yếu. Nói khác đi, từ vị trí của mình, vai nhận cảm thấy nhu cầu (tức MUỐN) không thể không duy trì (tức PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI) quá trình P_1 .

Khi tính cấp thiết có tính tất yếu khách quan thì phát ngôn cầu khiến không những có giá trị duy nhất một lần đối với người nghe/đọc cụ thể tại thời điểm và địa điểm nói mà còn có giá trị nhiều lần cho nhiều đối tượng tiếp nhận trong những không gian và thời gian khác nhau miễn là người tiếp nhận ngôn bản đó vẫn nhận thấy nội dung phản ánh của phát ngôn vẫn còn tình cấp thiết: “*Muốn tiến bộ, muốn viết hay thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện*” (Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam, 8/9/1962), “*Muốn có nhiều tài liệu thì phải xem cho rộng*” (Bài nói chuyện với cán bộ báo chí, văn nghệ và cán bộ ngành tại Trường chính Đảng Trung ương, 17/8/1952), “*Muốn huấn luyện thợ rèn, thợ nguội thì người huấn luyện phải thạo nghề rèn, nghề nguội*” (Về vấn đề học tập, Huấn thị về công tác huấn luyện, học tập, 8/5/1950)...

Tóm lại, trong các bài viết, bài nói chuyện về giáo dục, văn hóa, văn nghệ và học tập của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều câu hoạt động thực hiện chức năng của phát ngôn cầu khiến, trong đó phát ngôn với cấu trúc “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...” chiếm tỷ lệ cao nhất. Đây là cấu trúc thể hiện nghệ thuật lập luận thuyết phục người nghe/đọc thực hiện mong muốn của người nói/viết, thể hiện năng lực sử dụng ngôn ngữ sắc sảo và nhuần nhuyễn của chủ thể ngôn bản.

Cấu trúc này đã chuyển tính áp đặt được biểu đạt bằng *phải/cần/cần phải* từ vị trí của người nói/viết sang vị trí nhận thức tự giác của người nghe/đọc và tạo nên tính tất yếu của việc duy trì quá trình được biểu đạt P_1 . Đây cũng chính là phương thức tăng hiệu quả ngôn trung của phát ngôn cầu khiến.

Tính cấp thiết trong phát ngôn cầu khiến không những được biểu đạt tường minh bằng các từ tình thái mà còn được biểu đạt bằng các phương tiện khác, trong đó có cấu trúc “MUỐN... THÌ PHẢI/CẦN/CẦN PHẢI...”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, 2006.
2. Chafe W. L., *Meaning and the Structure of Language*, Chicago, 1970.
3. Palmer F. R., *Mood and Modality*, Cambridge University Press, 1986.
4. Цейтлин С. Н., “Необходимость”, В КН. “Теоория функциональной грамматики”, Наука, Ленинград, 1990.
5. Viện Ngôn ngữ, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2000.